

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 103/2020/DS-ST.

Ngày: 18-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đông Hà.

Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp 7, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L M, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo tờ ủy quyền ngày 30/12/2019): ông Phạm Công C, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp B L, xã L B, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Ngọc T.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V T, huyện V T, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 bà Lê Thị B trình bày: Năm 2014 có cho bà T mượn số tiền 2.000.000 đồng, không làm biên nhận, không tính lãi, không hẹn ngày trả tiền. Đến tháng 01/2019 bà Dương Ngọc T hỏi mượn 01 chiếc lắc 2,3 chỉ loại vàng 18k, khi giao vàng không ghi biên nhận và không tính tiền lãi, hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Khi đến ngày hẹn bà T không trả tiền. Bà B có đến đòi nhiều lần nhưng bà T không trả tiền và vàng bà T có ghi biên nhận hứa trả, nhưng đến nay vẫn không trả tiền và vàng đã mượn. Yêu cầu bà Dương Ngọc T trả tiền vay 2.000.000 đồng và số vàng 02 chỉ 03 phân loại 18k.

Tài liệu chứng cứ bà Lê Thị B kèm theo đơn khởi kiện: chứng minh nhân dân (bản sao), đơn xác nhận (bản chính), biên nhận ngày 30/11/2019 (bản chính).

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Dương Ngọc T khai: có mượn của bà B số vàng 02 chỉ 03 phân loại 18k, đồng ý trả số vàng 02 chỉ 03 phân loại 18k, không đồng ý trả số tiền 2.000.000 đồng vì không có mượn.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Dương Ngọc T trả 02 chỉ 03 phân vàng 18k loại 70% cho bà Lê Thị B, rút yêu cầu bà Dương Ngọc T trả cho bà Lê Thị B số tiền 2.000.000 đồng ; Bị đơn bà T vắng mặt chưa thể hiện ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị B khởi kiện bà Dương Ngọc T yêu cầu trả 02 chỉ 03 phân vàng 18k và số tiền 2.000.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Dương Ngọc T tại ấp 6, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Ngọc T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Bà Lê Thị B yêu cầu bà Dương Ngọc T trả 02 chỉ 03 phân vàng 18k và số tiền vay 2.000.000 đồng.

[2.1]. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây bà Lê Thị B chứng minh được bà Dương Ngọc T có nợ vàng bằng biên nhận tại bút lục 21, bị đơn bà Dương Ngọc T cũng thừa nhận có mượn của bà B 02 chỉ 03 phân vàng 18k. Nên xác định bà Dương Ngọc T có nợ bà Lê Thị B 02 chỉ 03 phân vàng 18k. Về loại vàng vay, theo biên nhận ghi loại vàng 18k không thể hiện bao nhiêu phần trăm, các đương sự cũng không chứng minh được, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu loại vàng 70%, do vậy nên Tòa xác định vàng 18k loại 70% (là loại vàng 18k có tỉ lệ phần % thấp nhất). Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Dương Ngọc T trả cho bà Lê Thị B 02 chỉ 03 phân vàng 18k loại 70% .

[2.2]. Đối với yêu cầu số tiền vay 2.000.000 đồng: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu bà Dương Ngọc T trả cho bà Lê Thị B số tiền vay 2.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3]. Đại diện nguyên đơn ông Phạm Công C không yêu cầu tính lãi, nên không xem xét.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị B.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Giá vàng 18k loại 70% tại thời điểm xét xử là 3.500.000 đồng/chỉ, giá trị 02 chỉ 03 phân vàng 18k loại 70% bằng tiền là 8.050.000 đồng làm căn cứ tính án phí.

[5]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu bà Dương Ngọc T trả cho bà Lê Thị B số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B.

1. Buộc bà Dương Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị B 02 (hai) chỉ 03 (ba) phân vàng 18k loại 70%.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc bà Dương Ngọc T chịu 402.500 (bốn trăm lẻ hai nghìn năm trăm) đồng.

- Bà Lê Thị B được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 21 tháng 02 năm 2020 theo biên lai số 0000961 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

4 . Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Tuyết Mai